

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST

Ngày: 15- 8- 2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Văn Văn

Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thanh Huyền- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 10/2018/TLST-KDTM ngày 29 tháng 05 năm 2018 về Tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST – KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Mạnh H- Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Khu Thương mại C, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H;

Địa chỉ: Tổ 13, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

(Theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2018)

2. Bị đơn: Công ty T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng T - chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh: đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ văn phòng giao dịch: Đại Lộ T, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2018 của nguyên đơn Công ty H và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 18/7/2015 giữa Công ty H và Công ty T đã ký kết hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa số 65/HĐKT về việc mua bán đá xây dựng, thời hạn thực hiện hợp đồng tính đến ngày 31/12/2015. Ngày 02/01/2016 giữa Công ty H và Công ty T ký tiếp hợp đồng kinh tế mua bán đá số 33/2016/LH-HĐKT, thời hạn thực hiện hợp đồng tính đến ngày 31/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã giao hàng cho Công ty T như các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tháng 4/ 2016 : Đá 1x2: 88 m³ x 185.000đ = 16.280.000đ

Tháng 5/2016: Đá 1x2: 72 m³ x 185.000đ = 13.320.000đ

Tháng 6/2016: Đá 1x2: 14 m³ x 185.000đ = 2.590.000đ

Tháng 7/2016: Đá 1x2: 168 m³ x 185.000đ = 31.080.000đ

Đá 2x 4: 08m³ x 160.000đ = 1.280.000đ

Tháng 8/2016: Đá 1x2: 190m³ x 185.000đ = 35.150.000đ

Đá 1x2 : 08m³ x 165.000đ = 1.320.000đ

Tháng 12/2016: Đá 1x2: 8m³ x 165.000đ = 1.480.000đ.

Tổng số tiền giao hàng Công ty H đã giao cho Công ty T tính đến tháng 12/2016 là 102.500.000đ (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Khi giao hàng Công ty H đều xuất hóa đơn đầy đủ cho Công ty T. Tuy nhiên, khi nhận hàng Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán dẫn đến tồn đọng công nợ. Qua nhiều lần đối chiếu công nợ và theo bản đối chiếu chốt công nợ ngày 30/9/2016 và ngày 31/3/2018 có xác nhận của giám đốc Công ty T thì Công ty T còn nợ Công ty H số tiền mua bán hàng hóa là 102.500.000đ (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Sau khi đối chiếu công nợ Công ty H đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Công ty T thanh toán toàn bộ số công nợ trên nhưng Công ty T không thanh toán. Nay, Công ty Lương Hà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết buộc Công ty T phải trả có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền hàng còn nợ là: 102.500.00đ (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Về khoản tiền lãi suất: Theo đơn khởi kiện Công ty H tính lãi suất từ 10/2016 đến 30/4/2018 là 19 tháng, nay Công ty xin rút một phần yêu cầu về thời gian tính lãi suất và tính từ tháng 01/01/2017 đến tháng 30/4/2018 là 16 tháng, cụ thể: 102.500.000đ x 0,625%/tháng x 16 tháng = 10.250.000đ (*Mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi Công ty H

yêu cầu Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán là 112.750.000đ (*Một trăm hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tại bản khai ngày 18/06/2018 ông Nguyễn Hoàng Thái - người đại diện theo pháp luật của Công ty T trình bày:

Công ty T thừa nhận ngày 18/7/2015 giữa Công ty T và Công ty H có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 65/2015/LH-HĐKT như Công ty H trình bày là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã xuất hàng đầy đủ cho Công ty T như hợp đồng đã ký kết. Qua nhiều lần đối chiếu công nợ, đến nay Công ty T còn nợ tiền hàng của Công ty H chót đến ngày 31/3/2018 là 102.500.000đ (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Nay, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T phải có trách nhiệm trả số tiền hàng còn nợ là: 102.500.000 đồng (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*) và khoản tiền lãi suất tính từ tháng 10/2016 đến tháng 4/2018 với mức lãi suất 0,625%/tháng là 11.979.687đ. Tổng gốc và lãi là 114.479.687đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm tám bảy đồng*). Công ty T nhất trí trả số nợ gốc và lãi trên cho Công ty H. Tuy nhiên, Công ty đề nghị Tòa án xem xét cho hai Công ty thương lượng và thỏa thuận với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau nhưng về phía bị đơn Công ty T đều vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 24; Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại 2005; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H tổng số tiền gốc và lãi suất là 112.750.000đ (*Một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T vắng mặt, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Công ty H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai yêu cầu Công ty T phải có trách nhiệm cho Công ty H số tiền hàng còn nợ là 102.500.000 đồng (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*) và khoản tiền lãi suất tính từ tháng 10/2016 đến tháng 4/2018 là 19 tháng, cụ thể: $102.500.000đ \times 0,625\%/tháng \times 562 \text{ ngày} = 11.979.687 \text{ đồng}$. Tổng gốc và lãi là 114.479.687đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm tám bảy đồng*), vì lý do giữa Công ty H và Công ty T có ký hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa số 65/2015/LH-HĐKT ngày 18/7/2015 và hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa số 33/2016/LH-HĐKT ngày 02/01/2016. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty H và Công ty T có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 65/2015/LH-HĐKT ngày 18/7/2015 và số 33/2016/LH-HĐKT ngày 02/01/2016. Sau khi ký kết 02 hợp đồng kinh tế Công ty H đã giao hàng và xuất hóa đơn đầy đủ cho Công ty T. Tuy nhiên, do Công ty T đã vi phạm điều khoản thanh toán được quy định tại khoản 3 của hợp đồng, dẫn đến công nợ tồn đọng. Qua nhiều lần đối chiếu công nợ tính đến ngày 30/9/2016 và ngày 31/3/2018 giữa Công ty H và Công ty T thống nhất Công ty T còn nợ Công ty H số tiền hàng là 102.500.000 đồng (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Tại bản tự khai ngày 18/6/2018 Công ty T thừa nhận còn nợ Công ty H số tiền hàng là 102.500.000đ (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Do vậy, Công ty H yêu cầu Công ty T phải có nghĩa vụ trả số tiền hàng còn nợ là 102.500.000đ (*Một trăm linh hai triệu năm trăm ngàn đồng*) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính tiền lãi suất của Công ty H: Theo đơn khởi kiện Công ty H tính lãi suất từ tháng 10/2016 đến tháng 4/2018 là 19 tháng, cụ thể: $102.500.000 \times 0,625\%/tháng \times 562 \text{ ngày} = 11.979.687đ$ (*Mười một triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm tám bảy đồng*). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ngày 10/7/2018 Công ty H đã có đơn xin rút một phần yêu cầu về thời gian tính lãi suất và đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu Công ty T phải trả tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,625%/tháng, thời gian tính lãi suất từ tháng 01/01/2017 đến tháng 30/4/2018 là 16 tháng, cụ thể: $102.500.000đ \times$

$0,625\%/tháng \times 16 \text{ tháng} = 10.250.000đ$ (Mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Vấn đề này Tòa án xét thấy: Theo mức lãi suất lãi suất vay trung hạn của ba ngân hàng là Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương- Chi nhánh Lào Cai 10%/ năm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn- Hà Nội chi nhánh Lào Cai 11,5%/năm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai 6,7 %/năm (lãi suất trung bình tại thời điểm xét xử là 9,4%/năm tương đương 0.783%/tháng). Như vậy, Công ty H yêu cầu tính mức lãi suất là 0,625%/tháng tương đương 7,5 %/ năm thấp hơn lãi suất quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của Công ty H, thời gian tính từ tháng 01/01/2017 đến tháng 30/4/2018 cụ thể: $102.500.000đ \times 0,625\%/tháng \times 16 \text{ tháng} = 10.250.000đ$ (Mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại năm 2005. Tổng gốc và tiền lãi Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H là 112.750.000đ (Một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Công ty T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.637.500đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 24; Điều 50 và Điều 56, Điều 306 Luật Thương mại 2005. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H số tiền là 112.750.000đ (Một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Về án phí: Buộc Công ty T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.637.500đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Công ty H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005178 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh
- VKSND TP LC;
- Đường sự(2);
- THA DS(2);
- Lưu TA,VP,HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh
- VKSND TP LC;
- Đường sự(2);
- THA DS(2);
- Lưu TA,VP,HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng